TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/12/2017.
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Nguyễn Minh Thiên.

2/. Bà Đàm Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2017/TLST–HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: chị Hứa Lâm Phương N, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Nhà số ..., đường ..., khóm ..., phường ..., thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2- Bị đơn: anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Nhà số ..., ấp VT, xã VQ, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 10/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hứa Lâm Phương N trình bày:

Vào ngày 22/02/2016 chị và anh Nguyễn Thanh T có làm đám cưới với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong ngày cưới gia đình bên chồng có cho chị

khoảng 01 cây vàng nhưng quá trình chung sống đã chi xài hết. Chị và anh T không có con chung. Quá trình chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có ai nợ vợ chồng chị. Vợ chồng chị ly thân từ ngày 02/7/2017 đến nay, lý do ly thân là do vợ chồng không hòa hợp, anh T thường đi sớm về khuya, hay uống rượu, không biết lo cho gia đình. Do vậy chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: không công nhận chị và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án lập ngày 01/12/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Anh thống nhất với chị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Lý do vợ chồng ly thân là do anh, chị thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi với nhau và không có tiếng nói chung. Anh đồng ý không công nhận anh và chị N là vợ chồng; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, chị N và anh T thống nhất xác nhận anh chị chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống, anh, chị không có con chung và anh, chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tài sản chung, nợ chung. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N: Tuyên bố không công nhận chị N và anh T là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hứa Lâm Phương N và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, nhưng anh, chị lại không có đăng ký kết hôn, do vậy mối quan hệ hôn nhân của anh, chị không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Trong quá trình chung sống, chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân kể từ ngày 02/7/2017 đến nay. Nay chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố chị và anh Nguyễn Thanh T không phải là vợ chồng là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[2]. Về quan hệ nuôi con chung:

Trong quá trình chung sống chị Hứa Lâm Phương N và anh Nguyễn Thanh T không có con chung, nên không yêu cầu giải quyết.

[3]. Về phân chia tài sản chung, nợ chung:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hứa Lâm Phương N phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[5]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Hứa Lâm Phương N và anh Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hứa Lâm Phương N phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0008096 ngày 10/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Quang Nhuận